

Bản án số: **19/2019/DS-ST**
Ngày: 12/4/2019
V/v T/C Hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Linh Đa.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lâm Hữu Tâm.
2. Bà Lưu Thị Tám.

Thư ký phiên tòa: Ông Trần Minh Chánh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kế Sách.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách tham gia phiên tòa: Bà Đặng Xuân Mai – Kiểm sát viên.

Ngày 12/4/2019, tại phòng xử án thuộc trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kế Sách xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 242/2018/TLST-DS ngày 03/12/2018 về việc “Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2019/QĐXXST- DS ngày 28/02/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 23/2019/QĐST-DS, ngày 18/3/2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Thanh L**, sinh năm 1967 (có mặt).

Địa chỉ: Số X, ấp A, xã A1, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

2. Bị đơn: Ông **Bùi Thanh H**, sinh năm 1974 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số Y, ấp A, xã A1, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Căn cứ vào đơn khởi kiện của nguyên đơn, qua xem xét lời khai và yêu cầu của các đương sự, qua xét hỏi trước tòa, nội dung vụ án được xác định như sau: Theo đơn khởi kiện ngày 27/11/2018, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh L trình bày:

Trước đây khoảng hơn 01 năm, bà L cho ông H vay 45.000.000 đồng, có làm biên nhận giấy tay, không có ai chứng kiến. Sau đó, ông H yêu cầu vay thêm 5.000.000 đồng để mua xe nên bà L cho ông H vay thêm 5.000.000 đồng. Bà L đã trả lại cho ông H biên

nhận vay số tiền 45.000.000 đồng trước đây và ông H làm Biên nhận mới cho bà chính là Biên nhận nợ ngày 09/9/2018 mà bà đã nộp cho Tòa án. Sau khi làm Biên nhận mới, ông H hẹn trong vòng 01 tháng sẽ trả số nợ trên cho bà bao gồm cả vốn và lãi nhưng đến khi hết hạn trả nợ, bà L đã nhiều lần đến đòi ông H nhưng ông H cứ hứa hẹn mà không trả. Thời gian gần đây, ông H đã bỏ đi đâu không rõ, bà L không biết địa chỉ cụ thể hiện nay của ông H. Ông H vay của bà L số tiền 50.000.000 đồng nêu trên không có ai chứng kiến nhưng có vợ cũ của ông H là bà Nguyễn Thị Kim H1 biết vì số nợ này bà có nói cho bà H1 biết.

Tại phiên tòa, bà L yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Bùi Thanh H trả cho bà số tiền vốn vay là 50.000.000 đồng và thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện là không yêu cầu ông H trả lãi.

Đối với bị đơn ông Bùi Thanh H: Từ khi Tòa án thụ lý giải quyết cho đến nay, ông H không tham gia tố tụng nên Tòa án không thể thu thập được lời khai và yêu cầu của ông H.

Nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, bị đơn vắng mặt nên các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách phát biểu ý kiến:

Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Thẩm phán tiến hành các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 như thẩm quyền thụ lý vụ án, xác định tư cách đương sự, quan hệ tranh chấp, thu thập chứng cứ. Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định pháp luật. Bị đơn chưa thực hiện đúng theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Người làm chứng bà Nguyễn Thị Kim H1 và Bùi Thị Thu H2 yêu cầu xét xử vắng mặt đã thực hiện đúng quy định pháp luật.

Về nội dung giải quyết vụ án: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh L cho bị đơn ông Bùi Thanh H vay số tiền 50.000.000 đồng, có làm biên nhận nợ ngày 09/9/2018, tuy không có ai chứng kiến nhưng thời điểm chưa ly hôn, vợ cũ của ông H là bà Nguyễn Thị Kim H1 đã được bà L cho biết về số nợ của ông H đối với bà L. Đồng thời, con gái ông H là Bùi Thị Thu H2 cũng đã thông báo cho ông H biết việc bà L khởi kiện ông H tại Tòa nhưng ông H nói do ở xa nên không về được. Từ phân tích trên, có căn cứ cho rằng ông H vay của bà L số tiền 50.000.000 đồng là sự thật. Nay bà L khởi kiện yêu cầu ông H trả cho bà 50.000.000 đồng là có căn cứ chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử văn cứ khoản 3 Điều 26; điểm d khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, 227, 228; khoản 1 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463, 466, khoản 2 Điều 468, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền vốn vay là 50.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về việc Tòa án thụ lý vụ án khi bị đơn không có mặt tại địa phương: Người khởi kiện là bà Nguyễn Thị Thanh L đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú theo địa chỉ được ghi trong Biên nhận nợ đề ngày 09/09/2018: “Bùi Thanh H, SN 1974. Nơi đăng ký thường trú 549/2 ấp An Hòa xã An Lạc Tây Kế Sách, Sóc Trăng”. Vợ cũ của ông H là bà Nguyễn Thị Kim H1 và con gái ông H là chị Bùi Thị Thu H2 cũng không biết cụ thể địa chỉ hiện nay ông H đang cư trú. Biên bản xác minh ngày 06/12/2018, Ban nhân dân ấp A và Công an xã A1 đã xác nhận: Ông Bùi Thanh H có đăng ký hộ khẩu thường trú tại số Y, ấp A, xã A1, huyện K, tỉnh Sóc Trăng; hiện nay ông H không có mặt tại địa phương, ông có đến công an xã xác nhận hạnh kiểm để đi làm ở Bình Dương nhưng không có báo với công an xã A1 địa chỉ cụ thể nơi ông H sống và làm việc. Thỉnh thoảng vài tuần ông H có về nhà, sau đó đi ngay nên muốn gặp ông H làm việc rất khó khăn.

Qua xác minh, con ông H là chị Bùi Thị Thu H2 cho biết chị đã cho cha chị biết việc bà L đang khởi kiện cha chị tại Tòa nhưng cha chị nói do ở xa nên không thể về được. Ông H biết bà L khởi kiện tại Tòa nhưng không đến Tòa theo Giấy triệu tập của Tòa án để giải quyết nợ với bà L cho thấy ông H cố tình trốn tránh trách nhiệm. Nay người bị kiện là ông Bùi Thanh H thay đổi nơi cư trú mà không thông báo cho người khởi kiện biết về nơi cư trú mới là vi phạm quy định tại khoản 3 Điều 40 của Bộ luật dân sự năm 2015, đủ cơ sở xác định đơn khởi kiện của bà L đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú của người bị kiện nhưng do ông H đã thay đổi nơi cư trú mà không thông báo địa chỉ cụ thể cho cơ quan, người có thẩm quyền làm cho người khởi kiện không biết được nhằm mục đích che giấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ đối với người khởi kiện. Căn cứ các quy định tại điểm e khoản 1 Điều 192, Điều 195, Điều 196 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 1 và khoản 2 Điều 5, điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/05/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về Hướng dẫn một số quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 192 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, thì sau khi bà L nộp tạm ứng án phí, ngày 03/12/2018, Tòa án nhân dân huyện Kế Sách đã thụ lý vụ án để giải quyết theo thủ tục chung là đúng quy định của pháp luật.

[1.2] Tại phiên tòa, bị đơn ông Bùi Thanh H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, nhưng vắng mặt không rõ lý do. Người làm chứng bà Nguyễn Thị Kim H1 và chị Bùi Thị Thu H2 vắng mặt nhưng đã cung cấp lời khai trực tiếp với Tòa và có yêu cầu xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228, Điều 229 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng bị đơn ông Bùi Thanh H và những người làm chứng vắng mặt tại phiên tòa.

[1.3] Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh L thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, bà chỉ yêu cầu bị đơn ông Bùi Thanh H trả vốn vay là 50.000.000 đồng và không yêu cầu trả lãi vay như đơn khởi kiện. Xét thấy, việc nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện là trong phạm vi khởi kiện ban đầu, có lợi cho bị đơn và việc thay đổi này hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc, từ đó Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, chấp nhận sự thay đổi yêu cầu khởi kiện này của nguyên đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

Nội dung Biên nhận nợ đề ngày 09/09/2018 do nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh L cung cấp thể hiện ông H có vay của bà L số tiền vốn là 50.000.000 đồng. Vợ cũ của ông H là bà Nguyễn Thị Kim H1 cho biết thời điểm bà H1 và ông H chưa ly hôn thì bà L có nói cho bà biết ông H đang nợ bà L mấy chục triệu đồng nhưng do lúc đó vợ chồng đang mâu thuẫn nên bà không có hỏi ông H về số tiền mượn của bà L là có hay không. Ngoài ra, chị Bùi Thị Thu H2 là con ruột của ông H xác nhận chị đã thông báo cho ông H biết việc bà L đang khởi kiện ông H, yêu cầu ông H trả tiền nhưng ông H cho rằng không về được do ở xa mà không có ý kiến phản hồi về số nợ mà bà L yêu cầu ông có nghĩa vụ phải trả. Hội đồng xét xử thấy rằng, ông H biết nhưng không có ý kiến phản hồi về yêu cầu khởi kiện của bà L chứng tỏ việc bà L khởi kiện là có căn cứ. Biên nhận nợ đề ngày 09/09/2018 bà L khai do ông H tự viết và ký tên. Do đó, Hợp đồng vay tài sản giữa bà L và ông H được lập trên cơ sở tự nguyện của các bên, không trái đạo đức xã hội, mục đích và nội dung của hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, khi giao kết hợp đồng phía bà L và ông H đều là những người có đủ năng lực hành vi dân sự nên giao dịch trên giữa bà L và ông H là hợp pháp.

Nay bà L cho rằng ông H chưa trả cho bà số nợ 50.000.000 đồng theo Biên nhận nợ đề ngày 09/09/2018 và yêu cầu ông H trả, không yêu cầu tính lãi là có căn cứ. Do đó, Hội đồng xét xử cần áp dụng Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thanh L, buộc ông Bùi Thanh H có nghĩa vụ trả cho bà L số tiền vốn vay là 50.000.000 đồng.

[3] Xét đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát: Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách như đã phân tích trên.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí tòa án, ông Bùi Thanh H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 50.000.000 đồng x 5% = 2.500.000 đồng.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo Bản án theo quy định tại Điều 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lý trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 144, Điều 147, các Điều 227, 228, 229, Điều 244, Điều 271, Điều 273, Điều 278, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ các Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 26 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014);

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

TUYÊN XỬ:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh L về việc yêu cầu bị đơn ông Bùi Thanh H trả số tiền vốn vay là 50.000.000 đồng. Buộc bị đơn ông Bùi Thanh H trả cho bà Nguyễn Thị Thanh L số tiền vốn vay là 50.000.000 đồng.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày bà Nguyễn Thị Thanh L có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng ông Bùi Thanh H còn phải trả lãi cho bà Nguyễn Thị Thanh L theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 đối với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Án phí dân sự sơ thẩm là 2.500.000 đồng, ông Bùi Thanh H phải chịu là 2.500.000 đồng. Bà Nguyễn Thị Thanh L được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.250.000 đồng từ Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004370 ngày 27/11/2018 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng đã thu.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo Bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đối với người vắng mặt được tính từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật, để Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xử phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Kế Sách;
- Chi cục THADS huyện Kế Sách;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Linh Đa